

TỔNG QUAN

Tháng 9/2023, lượng phát hành trái phiếu chính phủ giảm so với tháng trước đó, tuy nhiên, lũy kế 9 tháng, giá trị này tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

Theo thông tin từ HNX, trong tháng 9/2023, HNX đã tổ chức 18 đợt đấu thầu TPCP do KBNN phát hành với tổng khối lượng trúng thầu đạt 19.370 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu thành công đạt 75,22% (tháng 8/2023, HNX tổ chức 20 đợt đấu thầu TPCP do KBNN phát hành với tổng khối lượng trúng thầu đạt 21.782 tỷ đồng, tỷ lệ trúng thầu đạt 92,69%). KBNN phát hành thành công khoảng 75.000 tỷ đồng TPCP trong quý 3, tương đương khối lượng trúng thầu của quý 2, tỷ lệ trúng thầu đạt 88%. Tính đến hết tháng 9/2023, KBNN đã huy động thành công 255.000 tỷ đồng, đạt 62,47% kế hoạch phát hành của năm 2023 và tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm trước (9 tháng 2022 KBNN huy động được khoảng 114.000 tỷ đồng TPCP). Với khối lượng đáo hạn quý 3 là 24.000 tỷ đồng, KBNN đã phát hành ròng 51.000 tỷ trong quý vừa qua. Lũy kế 9 tháng, lượng phát hành ròng là 205.000 tỷ.

Về lãi suất huy động, kỳ hạn 5 năm có lãi suất huy động giảm nhẹ qua các phiên trong tháng 9/2023 với mức giảm 7 đcb so với phiên cuối cùng của tháng 8. Lãi suất TPCP kỳ hạn 10 năm, 15 năm và 30 năm tiếp tục giữ ổn định trong 2 tháng gần đây, với lãi suất các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm trúng thầu tại các phiên cuối cùng trong tháng 9 của lần lượt là 1,63%; 2,36%; 2,59% và 3,05%.

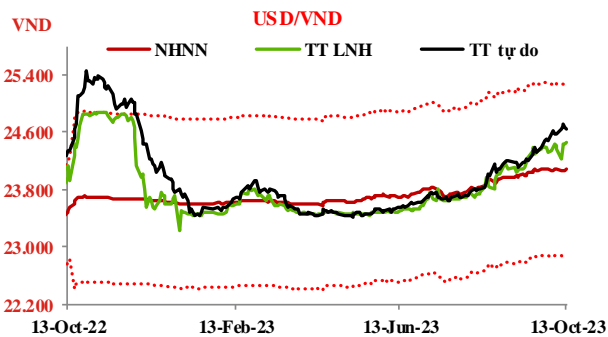
Theo HNX, tính đến 30/09/2023, giá trị niêm yết TPCP tại HNX đạt 1.898.855 tỷ đồng, tăng 12,63% so với cuối năm 2022.

Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch TPCP theo phương thức thông thường (outright) đạt hơn 109.658 tỷ đồng, giao dịch mua bán lại (repos) đạt gần 31.630 tỷ đồng trong tháng 9. Giá trị giao dịch bình quân phiên trong tháng đạt hơn 7.436 tỷ đồng, tăng 27,55% so với tháng trước. Giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 3.464 tỷ đồng giảm 10,26% so với tháng trước.

Lợi suất TPCP chốt phiên 29/09 giảm ở hầu hết các kỳ hạn so với cuối quý 2 và càng cho thấy mức giảm lớn khi so với đầu năm. Cụ thể, so với đầu năm, lợi suất các kỳ hạn giảm từ 1,90 – 2,78 đpt. Trong đó, kỳ hạn 10Y đứng ở mức 2,68%, giảm 2,05 đpt so với đầu năm. Tuy nhiên, tuần cuối quý 3, lợi suất đi lên ở một số kỳ hạn, trong đó kỳ hạn 10Y tăng 0,08 đpt so với tuần trước đó.

Theo thông báo từ đầu năm của KBNN, kế hoạch huy động TPCP năm 2023 của KBNN là 400.000 tỷ đồng. Như vậy, từ tháng 10 đến cuối năm còn khoảng 145.000 tỷ đồng cần được huy động nếu muốn hoàn thành kế hoạch. Khi hoạt động giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh ở quý 4, KBNN sẽ chịu áp lực tăng phát hành TPCP, đồng nghĩa với việc tăng lãi suất phát hành trên thị trường sơ cấp trong 3 tháng cuối năm để thu hút các nhà đầu tư.

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong tuần từ 09/10 – 13/10, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng – giảm nhẹ đan xen qua các phiên. Chốt ngày 13/10, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.077 VND/USD, chỉ tăng 03 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay phiên cuối tuần được niêm yết ở mức 25.230 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

Tỷ giá LNH biến động theo xu hướng tăng trong tuần qua. Kết thúc phiên 13/10, tỷ giá LNH đóng cửa tại 24.450 VND/USD, tiếp tục tăng 80 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do ít biến động trong tuần qua. Chốt phiên 13/10, tỷ giá tự do tăng 70 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 24.570 VND/USD và 24.620 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	0.40	-0.82	5.10	0.02	3Y	1.77	0.016
1W	0.60	-0.84	5.21	0.03	5Y	1.78	0.033
2W	0.82	-0.84	5.28	0.02	7Y	2.52	-0.023
1M	1.28	-0.66	5.36	0.00	10Y	2.85	-0.024
2M	3.00	-0.20	5.47	-0.01	15Y	3.04	0.006
3M	3.30	-0.22	5.58	0.02			
6M	4.88	-0.02	5.64	0.03			
9M	5.98	0.00	5.79	0.08			
1Y	6.23	-0.07	5.84	0.07			

Tuần từ 09/10 – 13/10, mặc dù đã tăng trở lại vào cuối tuần, lãi suất VND LNH vẫn giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống. Chốt ngày 13/10, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,40% (-0,82 đpt); 1W 0,60% (-0,84 đpt); 2W 0,82% (-0,84 đpt); 1M 1,28% (-0,66 đpt).

Lãi suất USD LNH dao động tăng – giảm nhẹ ở tất cả các kỳ hạn. Phiên cuối tuần 13/10, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,10% (+0,02 đpt); 1W 5,21% (+0,03 đpt); 2W 5,28% (+0,02 đpt) và 1M 5,36% (không thay đổi).

• **Thị trường mở**

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TP/NHNN từ 09/10 đến 13/10/2023

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghiệp vụ cầm cố	5,000	-	-	-	0,00
Nghiệp vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	64,999,60	-	64,999,60	205,699,20
Tổng cộng				64,999,60	

Trên thị trường mở tuần từ 09/10 – 13/10, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 5.000 tỷ VND, lãi suất ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố.

NHNN tiếp tục chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 64.999,60 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu, lãi suất phiên thứ Sáu ở mức 0,95% (-0,33 đpt so với cuối tuần trước đó). Như vậy, NHNN hút ròng 64.999,60 tỷ đồng từ thị trường, đưa khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường lên mức gần 205.700 tỷ đồng.

• **Thị trường trái phiếu chính phủ:**

Giao dịch trên thị trường sơ cấp:

Ngày 09/10, Ngân hàng CSXH chào thầu 2.500 tỷ đồng TPCPBL, khối lượng trúng thầu là 1.500 tỷ đồng, tương đương 60%. Trong đó, kỳ hạn 5Y trúng thầu toàn bộ 1.500 tỷ đồng chào thầu với lãi suất 2,5% (không đổi so với tuần trước). Kỳ hạn 10Y và 15Y chào thầu 500 tỷ đồng mỗi kỳ hạn, tuy nhiên không có khối lượng trúng thầu ở cả hai kỳ hạn này.

Ngày 11/10, KBNN chào thầu 4.500 tỷ đồng TPCP, khối lượng trúng thầu là 4.000 tỷ đồng, tương đương 89%. Trong đó, kỳ hạn 5Y huy động được toàn bộ 500 tỷ đồng chào thầu; kỳ hạn 10Y huy động được toàn bộ 1.500 tỷ đồng chào thầu và kỳ hạn 15Y huy động được toàn bộ 2.000 tỷ đồng chào thầu. Kỳ hạn 20Y gọi thầu 500 tỷ đồng, tuy nhiên không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn lần lượt tại 5Y 1,64% (-0,01 đpt), 10Y 2,38% (+0,02 đpt), 15Y 2,61% (+0,02 đpt).

Trong tuần này, ngày 16/10, NHCSXH chào thầu 2.500 tỷ đồng TPCPBL, trong đó, kỳ hạn 5Y chào thầu 1.500 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y và 15Y chào thầu 500 tỷ đồng mỗi kỳ hạn. Ngày 18/10, KBNN chào thầu 5.000 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10Y chào thầu 1.500 tỷ đồng, kỳ hạn 15Y chào thầu 2.000 tỷ đồng và 30Y chào thầu 500 tỷ đồng.

Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
VBSP	9-Oct-23	5	1500	1500	2.50%	0.00%	100%	1.23	2.00
VBSP	9-Oct-23	10	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.00	0.00
VBSP	9-Oct-23	15	500	0	0.00%	0.00%	0%	1.00	1.00
MOF	11-Oct-23	5	500	500	1.64%	-0.01%	100%	2.23	4.00
MOF	11-Oct-23	10	1500	1500	2.38%	0.02%	100%	1.47	8.00
MOF	11-Oct-23	15	2000	2000	2.61%	0.02%	100%	1.25	5.00
MOF	11-Oct-23	20	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.20	1.00
Tổng			7000	5500			79%	0.34	

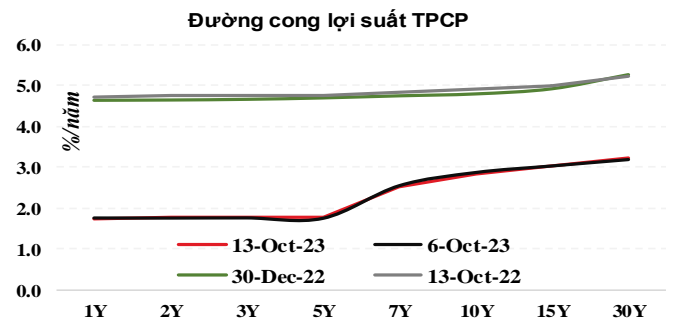
Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 6.745 tỷ đồng/phiên, tăng so với mức 4.727 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
9/Oct/23	106	484	2,012	1,883	4,485	9/Oct/23	898	-	-	-	898
10/Oct/23	693	-	2,106	1,734	4,533	10/Oct/23	1,356	-	-	-	1,356
11/Oct/23	507	325	1,881	5,173	7,886	11/Oct/23	1,247	417	-	-	1,665
12/Oct/23	485	494	929	2,648	4,556	12/Oct/23	483	-	-	-	483
13/Oct/23	316	494	815	4,187	5,812	13/Oct/23	1,576	473	-	-	2,048
Tổng	2,107	1,797	7,744	15,625	27,273	Tổng	5,560	890	-	-	6,450
+_WoW					10,970	+_WoW					(882)
% WoW					67%	% WoW					-12%
Tỷ trọng	8%	7%	28%	57%	100%	Tỷ trọng	86%	14%	0%	0%	100%

Dvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP trong tuần qua biến động tăng giảm nhẹ đan xen qua các phiên ở hầu hết các kỳ hạn. Chốt phiên 13/10, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 1,75% (không đổi); 2Y 1,76% (+0,01 đpt); 3Y 1,77% (+0,02 đpt); 5Y 1,78% (+0,03 đpt); 7Y 2,52% (-0,02 đpt); 10Y 2,85% (-0,02 đpt); 15Y 3,04% (+0,01 đpt); 30Y 3,22% (+0,03 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp								
%/năm	1Y	2Y	3Y	5Y	7Y	10Y	15Y	30Y
13-Oct-23	1.75	1.76	1.77	1.78	2.52	2.85	3.04	3.22
So WoW	0.00	0.01	0.02	0.03	-0.02	-0.02	0.01	0.03
So YoY	-2.98	-2.97	-2.97	-2.99	-2.32	-2.07	-1.95	-2.02
So YTD	-2.89	-2.89	-2.90	-2.93	-2.23	-1.95	-1.88	-2.04

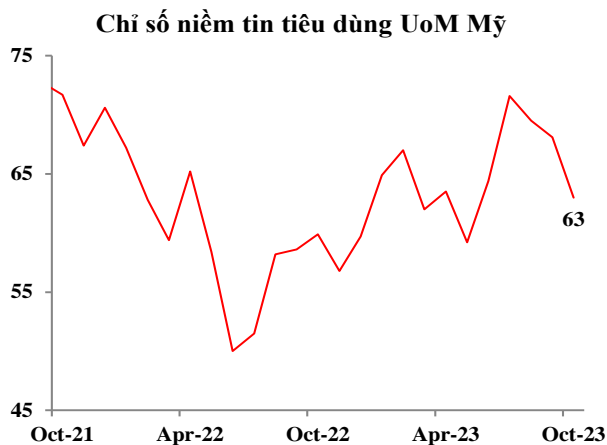
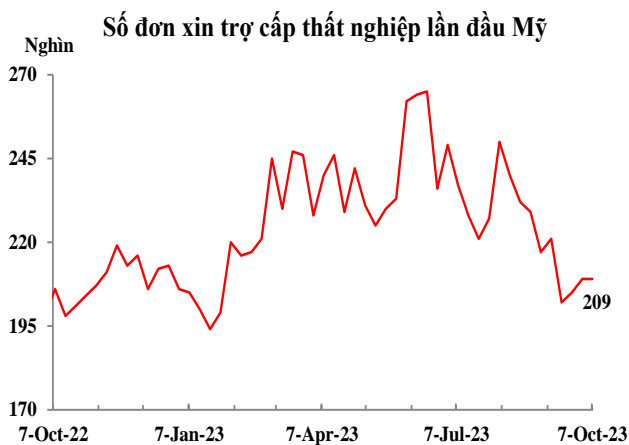
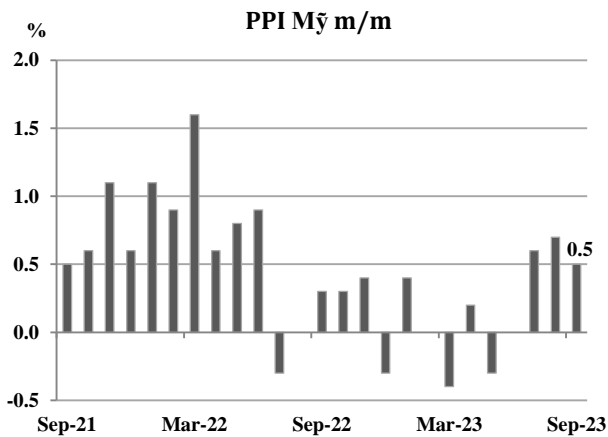
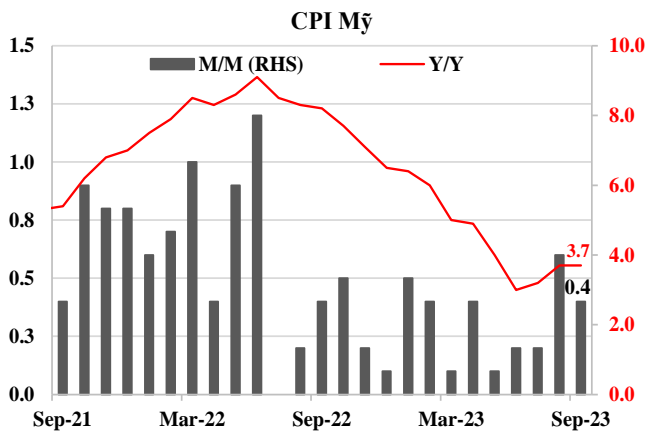


• Thị trường chứng khoán

13/10/23	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1154.73	239.05	87.90
thay đổi so với tuần trước	2.32%	3.73%	0.80%
thay đổi so với đầu năm	14.66%	16.43%	22.68%
KLGD/phiên (tr.đ.v)	617.21	89.89	0.04
thay đổi so với tuần trước	-12.16%	32.89%	-99.97%
GTGD/phiên (tỷ đ)	13940.04	1817.97	0.0006
thay đổi so với tuần trước	-32.53%	1.63%	-62.31%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)	(2,541.38)	153.08	(0.020)

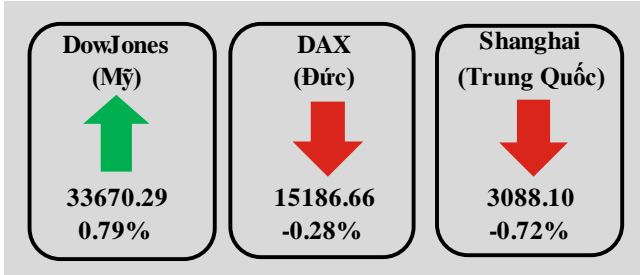
Tuần từ 09/10 – 13/10, thị trường chứng khoán kiên trì nhích nhẹ qua tất cả các phiên. Chốt phiên 13/10, VN-Index đứng ở mức 1.154,73 điểm, tăng 26,19 điểm (+2,32%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index thêm 8,60 điểm (+3,73%) lên 239,05 điểm; UPCOM-Index cộng 0,70 điểm (+0,80%) đạt mức 87,90 điểm.

Thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp với giá trị giao dịch trung bình gần 15.800 tỷ đồng/phiên, thấp hơn mức khoảng 16.400 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh gần 2.400 tỷ đồng trên cả 3 sàn.



IMF cập nhật dự báo triển vọng kinh tế thế giới 2023 và 2024. Trong báo cáo công bố ngày 10/10, IMF dự báo GDP toàn cầu tăng 3,0% trong năm 2023 (không thay đổi so với dự báo tháng 7), và sẽ tăng 2,9% trong năm 2024 (-0,1 đpt). Như vậy, nền kinh tế toàn cầu sẽ giảm tốc trong cả năm nay và năm tới so với mức tăng 3,5% đã đạt được trong năm 2022. Đối với các quốc gia phát triển, Mỹ được dự báo tăng 2,1% trong năm nay (+0,3 đpt) và 1,5% ở năm sau (+0,5 đpt); Eurozone lần lượt tăng 0,7% (-0,2 đpt) và 1,2% (-0,3 đpt); Nhật Bản tăng 2,0% (+0,6 đpt) và 1,0% (không đổi); Anh tăng 0,5% (+0,1 đpt) và 0,6% (-0,4 đpt). Về các quốc gia đang phát triển, Trung Quốc được dự báo tăng 2,0% trong năm nay (-0,2 đpt) và tăng 4,2% ở năm tới (-0,3 đpt). Nhóm ASEAN5 (Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan) lần lượt tăng 4,2% (-0,4 đpt) và 4,5% (không đổi). Về lạm phát, IMF dự báo chỉ số giá tiêu dùng toàn cầu tăng 6,9% trong năm nay (+0,1 đpt), sau đó hạ nhiệt còn 5,8% ở năm 2024 (+0,6 đpt). Theo nhà kinh tế trưởng Pierre Olivier Gourinchas của IMF, kinh tế toàn cầu vẫn đang nỗ lực phục hồi từ sau đại dịch Covid-19 và ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh Nga – Ukraine. Nhìn chung, có thể thế giới sẽ đạt được hạ cánh mềm, nhưng vẫn còn đó rủi ro liên quan đến cuộc khủng hoảng bất động sản ở Trung Quốc. Những ảnh hưởng từ cuộc chiến giữa Israel và Palestine vừa diễn ra cũng chưa được tính đến trong dự báo này, do thời điểm chốt dữ liệu là vào ngày 26/09.

Fed công bố biên bản cuộc họp tháng 9, đồng thời nước Mỹ cũng ghi nhận nhiều chỉ báo kinh tế quan trọng. Trong biên bản cuộc họp tháng 9 công bố tuần qua, Ủy ban CSTT Liên bang FOMC (thuộc Fed) nhận định kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng khá nhanh trong quý 3. Thị trường lao động tiếp tục ở trạng thái thắt chặt với tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp. Tăng trưởng việc làm dù giảm tốc nhưng luôn mạnh mẽ. Lạm phát tiêu dùng vẫn duy trì ở mức cao. Cơ quan này khẳng định mục tiêu toàn dụng nhân công và đưa lạm phát về mức 2,0% trong dài hạn. Theo đó, FOMC quyết định duy trì LSCS ở mức 5,25% - 5,50%, không thay đổi so với cuộc họp trước. FOMC sẽ tiếp tục đánh giá mức độ tích lũy của CSTT thắt chặt lên nền kinh tế và lạm phát để đưa ra các quyết định tiếp theo. Liên quan đến kinh tế Mỹ, đầu tiên, chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần và CPI lõi của nước này lần lượt tăng 0,4% và 0,3% m/m trong tháng 9, nối tiếp đà tăng 0,6% và 0,3% của tháng 8, gần khớp với dự báo cùng tăng 0,3%. So với cùng kỳ năm 2022, CPI toàn phần Mỹ tăng 3,7% y/y trong tháng vừa qua, bằng với mức tăng của tháng 8 và CPI lõi tăng 4,1% y/y, hạ nhiệt nhẹ so với mức tăng 4,3% ở tháng 8. Chỉ số giá sản xuất PPI toàn phần và PPI lõi tại nước này lần lượt tăng 0,5% và 0,3% m/m trong tháng 9 sau khi tăng 0,7% và 0,2% ở tháng trước đó, cùng cao hơn so với mức tăng 0,3% và 0,2% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2022, PPI toàn phần và PPI lõi lần lượt tăng 2,2% và 2,8% y/y. Tiếp theo, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 07/10 ở mức 209 nghìn đơn, không thay đổi so với tuần trước đó và trái với dự báo tăng nhẹ lên 211 nghìn đơn. Cuối cùng, niềm tin tiêu dùng tại Mỹ do Đại học Michigan khảo sát ở mức 63,0 điểm trong tháng 10, giảm xuống từ 68,1 điểm của tháng 9 và đồng thời thấp hơn dự báo ở mức 67,2 điểm.

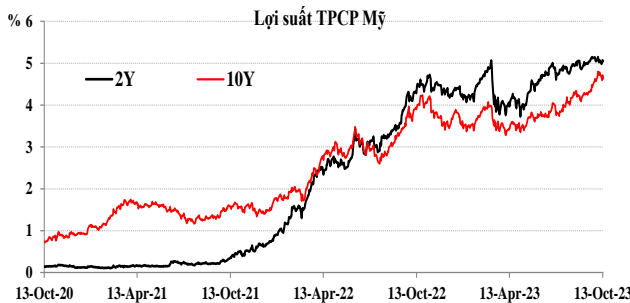


Chứng khoán thế phân hóa trong tuần qua. Kết thúc phiên 09/10, chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng nhẹ 0,79%, DAX giảm nhẹ 0,28% và Shanghai giảm 0,72%. Chứng khoán Mỹ chỉ tăng nhẹ khi các dữ liệu về lạm phát khiến thị trường Mỹ trở nên lo lắng về khả năng Fed sẽ tăng LSCS hoặc sẽ giữ ở mức cao lâu hơn so với kỳ vọng của thị trường.

Giá vàng tăng khá, đóng cửa phiên ngày 13/10 ở mức 1.931,70 USD/oz, tương đương tăng 5,43% w/w. Kim loại quý này đi lên sau khi giảm liên tiếp 2 tuần trước đó, bất chấp áp lực từ đồng USD. Nguyên nhân chính do các xung đột mới diễn ra tại Trung Đông, khiến giới đầu tư có xu hướng tạm thời tìm đến các tài sản trú ẩn an toàn.

Giá dầu tăng mạnh trong tuần qua. Kết thúc phiên ngày thứ Sáu, giá dầu WTI ở mức 87,69 USD/thùng, tương đương tăng 5,92% w/w. Đây là tuần có mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 02/2023, do nhu cầu mua vào tăng lên sau những xung đột tại Trung Đông. Các chuyên gia lo ngại tình hình Trung Đông vượt tầm kiểm soát có thể gây ra những gián đoạn tại eo biển Hormuz, là vùng quan trọng nhất trên đường biển vận chuyển dầu mỏ.

	13 Oct 23	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2022 (%)
USD index	106.65	0.57%	3.02%	7.87%
USD/CNY	7.30	0.05%	5.91%	8.58%
USD/EUR	0.95	0.73%	1.84%	6.22%
USD/JPY	149.55	0.15%	14.06%	13.93%
USD/KRW	1352.21	0.57%	7.24%	6.14%
USD/SGD	1.37	0.26%	2.14%	-0.68%
USD/TWD	32.20	0.26%	5.31%	10.34%
USD/THB	36.21	-1.84%	4.62%	4.15%
USD/VND Trung tâm	24077	0.01%	1.97%	2.02%
USD/VND LNH	24450	0.33%	3.84%	3.29%
USD/VND tự do	24587	0.18%	3.75%	1.06%
Vàng	1931.70	5.43%	5.88%	-0.22%
Dầu WTI	87.69	5.92%	9.26%	6.71%



NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn